TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thượng Văn Trí;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1012018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp B, xã Long N, huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã Long N, huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Linh trình bày:

Về hôn nhân: chị L và anh G sống chung năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương vào ngày 30 tháng 6 năm 2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01). Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường xuyên cải nhau. Nay, chị L không thể tiếp tục chung sống với anh G nên chị L yêu cầu ly hôn anh G.

Về nuôi con chung: chị L và anh G có hai con chung là Nguyễn Ngọc Duy T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2003 và Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2008, hiện hai con chung đang ở với anh G. Chị L yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Duy T, anh G nuôi cháu Nguyễn Phúc T1. Chị Lvà anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh G đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh G.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Ngọc L khởi kiện anh Nguyễn Văn G về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh G có nơi cư trú tại ấp B, xã Long N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn G lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh G vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn G là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng sống chung năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương vào ngày 30 tháng 6 năm 2003 (Giấy Chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01). Chị L và anh G chung sống đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Theo biên bản xác minh ngày 28 tháng 5 năm 2018, do Tòa án lập (bút lục số 24), tình trạng hôn nhân của chị L và anh G phù hợp với lời trình bày của chị L. Chị L và anh G ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay.

Xét, chị L và anh G là vợ chồng nhưng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2018 đến nay là vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh G nên chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, quyết định cho chị L và anh G ly hôn.

Về nuôi con chung: chị L và anh G có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Duy T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2003 và cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2008, hiện hai cháu đang sống với anh G, chị L yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Duy T, anh G nuôi cháu Nguyễn Phúc T1. Chị L và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án lấy lời khai của cháu T và cháu T1, hai cháu có nguyện vọng được sống với chị L, tuy nhiên, việc giao hai con cho chị L nuôi là không bảo đảm quyền lợi của con. Cho nên yêu cầu của chị L là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu T1; căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, chị L được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Nguyễn Ngọc Duy T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2003; anh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2008. Về cấp dưỡng, chị L không yêu cầu anh G cấp dưỡng và chị L cũng không phải cấp dưỡng dưỡng nuôi con là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh G, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L đối với anh Nguyễn Văn G về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn G.

- Về nuôi con chung: chị Nguyễn Ngọc L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Duy T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2003. Anh Nguyễn Văn G được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2008. Chị L và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Ngọc L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002948 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Long N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng